

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-ST

Ngày: 16-5-2019.

“V/v tranh chấp về dân sự
chia thừa kế và đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.
2. Ông Nguyễn Việt Thanh.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Bùi Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Đại diện Viện kiểm sát ND thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh
Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/4/2019, 03/5, 09/5 và 16/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2017/TLST-DS ngày 23/5/2017 về việc tranh chấp về dân sự chia thừa kế và đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-DS ngày 14/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/QĐST-DS ngày 09/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.

2/ Nguyễn Anh D, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà D, đường E, phường F, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Nguyễn Tuấn L1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số nhà A, đường T, phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Nguyễn Thị Mộng H, sinh năm 1969.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Tuấn L và Nguyễn Thị Mộng H: Bà Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1971. Là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 18/4/2019 và 18/5/2019.

5/ Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1971.

6/ Nguyễn Việt Anh T1, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số nhà A, đường B, phường C, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1/ Nguyễn Thị B, sinh năm 1954.

2/ Nguyễn Anh T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số nhà G, tổ H, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Thành N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà C, tổ D, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Trần Thị Mỹ Đ, sinh năm 1983.

3/ Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 21/7/2013.

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thị Bảo T: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1983 (cha ruột).

Cùng địa chỉ: Số nhà G, tổ H, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh: Ông Phan Văn T. Chức vụ: Chủ tịch.

Cùng địa chỉ: Số AA, đường B, phường C, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp

(Bà Nguyễn Thị Mộng T, bà Nguyễn Thị Mộng N có mặt tại phiên tòa; Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh, ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Việt Anh T, ông Nguyễn Thành N có đơn xin vắng mặt; bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Anh T, bà Trần Thị Mỹ Đ và ông Nguyễn Anh T đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thị Bảo T vắng mặt không có lý do; bà Nguyễn Thị Mộng N vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1 trình bày: Ông Nguyễn

Thanh L1 và bà Nguyễn Thị Việt N là vợ chồng có 6 người con gồm: Nguyễn Thị Mộng T, Nguyễn Anh D, Nguyễn Tuấn L, Nguyễn Thị Mộng H, Nguyễn Thị Mộng N và Nguyễn Việt Anh T1. Năm 1980, ông L1 chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị B (không đăng ký kết hôn). Bà B sinh được một người con tên Nguyễn Anh T. Ngày 19/6/1984, bà N và ông L1 có quyết định ly hôn của Tòa án. Ngày 01/01/2017, ông Nguyễn Thanh L1 chết có để lại một phần đất diện tích 3.449,8m² gồm: 589m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại số G, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; diện tích 2.860m² đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tổng diện tích đất 3.449,8m² do ông Nguyễn Thanh L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông L1 chết, tất cả phần đất trên hiện do bà B và ông T đang quản lý, sử dụng. Trong phần đất diện tích 589m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 15 được Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất thành phố Cao Lãnh thu hồi 60m² đất trồng cây lâu năm, 32,1m² đất trồng cây lâu năm (tương ứng thửa trích đo số 614, tờ bản đồ số 15) và cây trồng trên đất thực hiện công trình đường Tân Việt H (đoạn đường từ Phạm Hữu L đến điểm đầu nối với đường vào cầu Cao Lãnh), phường T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp bồi thường với số tiền 59.312.640 đồng. Do đất đang tranh chấp, Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất thành phố Cao Lãnh đang quản lý số tiền bồi thường. Trên phần đất diện tích 589m² có 01 căn nhà cấp 4, hai mái lợp tole, cách tường, nền lát gạch men, khung bê tông do Liên đoàn lao động thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp và Phòng giáo dục thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ gia đình giáo viên nghèo bà Nguyễn Thị Mộng T vào ngày 13/5/2003. Căn nhà trị giá 12.000.000 đồng và gia đình bà T bồi đắp thêm 3.000.000 đồng. Tổng giá trị của căn nhà là 15.000.000 đồng, căn nhà xây dựng trên đất của ông Nguyễn Thanh L1, ông L1 cho đất để bà T cất nhà có làm giấy tay, không có chính quyền địa phương xác nhận nên không đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được, bà T chỉ có quyền sở hữu căn nhà. Tháng 01/2004, bà T cho ông L1, bà B và ông T ở tạm giữ nhà dùm cho đến nay.

Nay bà T, ông L, bà H, bà N và ông T1 yêu cầu chia tài sản của ông Nguyễn Thanh L1 chết để lại và yêu cầu chia tiền bồi thường, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền bồi thường thu hồi đất 59.312.640 đồng hiện do Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất thành phố Cao Lãnh đang quản lý chia thành 08 phần bằng nhau: Bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Anh T mỗi người được hưởng 1 phần với số tiền 7.400.000 đồng.

- Đối với tổng diện tích đất 3.449m² gồm: 589m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại số G, ấp M, xã N, thành phố Cao

Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; diện tích 2.860m² đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, bà T, ông D, ông L, bà H, bà N và ông T1 yêu cầu chia thành tám phần bằng nhau mỗi người được nhận 1 phần cụ thể như sau:

1/ Bà T nhận diện tích đất: Diện tích 60,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 294, tờ bản đồ số 15, trên đất có căn nhà cấp 4 của bà T diện tích 32m² (ngang 4m, dài 8m) và diện tích 357m² đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại số G, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà T yêu cầu ông T và bà B trả lại căn nhà cho bà T, tổng giá trị đất bà T yêu cầu chia tạm tính là 60.000.000 đồng.

2/ Ông D nhận diện tích đất: Diện tích 60,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 294, tờ bản đồ số 15 và diện tích 357m² đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại số G, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, tổng giá trị đất ông D yêu cầu chia tạm tính là 60.000.000 đồng.

3/ Ông L nhận diện tích đất: Diện tích 60,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 294, tờ bản đồ số 15 và diện tích 357m² đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại số G, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, tổng giá trị đất ông L yêu cầu chia tạm tính là 60.000.000 đồng.

4/ Bà H nhận diện tích đất: Diện tích 60,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 294, tờ bản đồ số 15 và diện tích 357m² đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại số G, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, tổng giá trị đất bà H yêu cầu chia tạm tính là 60.000.000 đồng.

5/ Bà N nhận diện tích đất: Diện tích 60,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 294, tờ bản đồ số 15 và diện tích 357m² đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại số G, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, tổng giá trị đất bà N yêu cầu chia tạm tính là 60.000.000 đồng.

6/ Ông T1 nhận diện tích đất: Diện tích 60,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 294, tờ bản đồ số 15 và diện tích 357m² đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại số G, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, tổng giá trị đất ông T1 yêu cầu chia tạm tính là 60.000.000 đồng.

7/ Bà B nhận diện tích đất: Diện tích 60,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 294, tờ bản đồ số 15 và diện tích 357m² đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại số G, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, tổng giá trị đất bà B được chia tạm tính là 60.000.000 đồng.

8/ Ông T nhận diện tích đất: Diện tích 60,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 294, tờ bản đồ số 15 và diện tích 357m² đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại số G, ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, tổng giá trị đất ông T được chia tạm tính là 60.000.000 đồng.

Ngoài ra, các nguyên đơn còn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Thành L1 và yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Anh T với ông Nguyễn Thành N và yêu cầu ông Nguyễn Thành N giao trả phần đất diện tích 2.796,6m² tại thửa 674, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh để các đồng thừa kế chia theo quy định pháp luật.

Tại phiên hòa giải, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, cụ thể như sau:

- Tiền bồi thường yêu cầu chia đều 08 phần gồm: bà T, ông L, ông T1, ông D, bà H, bà N, ông T, bà B.

- Diện tích đất: Tại thửa 674, tờ bản đồ số 04 và thửa 294 tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh yêu cầu chia đều 08 phần gồm: bà T, ông L, ông T1, ông D, bà H, bà N, ông T, bà B. Yêu cầu nhận giá trị đất theo giá hội đồng định giá đã định.

- Đối với căn nhà bà T yêu cầu nhận giá trị theo giá Hội đồng định giá đối với giá trị nhà thực tế Tòa án thẩm định, thành tiền là 34.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1 và hợp đồng cầm cố giữa ông Nguyễn Anh T với ông Nguyễn Thành N diện tích 2.796,6m² tại thửa 674, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh các nguyên đơn rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Anh D rút yêu cầu khởi kiện, khước từ thừa kế.

Tại phiên tòa, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, cụ thể như sau:

- Tiền bồi thường yêu cầu chia đều 07 phần gồm: bà T, ông L, ông T1, bà H, bà N, ông T, bà B.

- Diện tích đất: Tại thửa 674, tờ bản đồ số 04 và thửa 294 tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh yêu cầu chia đều 07 phần gồm: bà T, ông L, ông T1, bà H, bà N, ông T, bà B. Yêu cầu nhận giá trị đất theo giá Hội đồng định giá đã định.

- Đối với căn nhà bà T yêu cầu nhận giá trị theo giá Hội đồng định giá đối với giá trị nhà thực tế Tòa án thẩm định, diện tích 32m², thành tiền là 34.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông L1 và hợp đồng cầm cố giữa ông Nguyễn Anh T với ông Nguyễn Thành N diện tích 2.796,6m² tại thửa 674, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh các nguyên đơn rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Anh D có đơn yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Anh T đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thị Bảo T trình bày: Bà B và ông L1 sống chung với nhau từ năm 1980, năm 1986 được cha mẹ chồng cho hai công đất ruộng để canh tác lúa, đất nhà ở hiện tại là do chị C (chết không chồng con) con bác hai bên chồng cho năm 1980. Quá trình sử dụng, vợ chồng có cải tạo lại đất. Đất ruộng hiện nay cải tạo lại thành liếp và đang trồng xoài năm 2017, phần đất ở đang trồng khoảng 500 cây cóc năm 2017, 04 cây xoài trồng khoảng 2001, 05 cây mận trồng khoảng 6 năm.

Phần diện tích đất lúa thửa 674, diện tích 2.860,9 m², (thực tế theo sơ đồ đo đạc ngày 22/6/2017 là 2.796,6 m²). Bà B và ông T đồng ý chia thừa kế như sau: Diện tích thửa 674 lúc ông L1 bệnh đã hứa bán cho ông N và đã nhận tiền cọc 04 lượng vàng 9999 do Công ty Vàng bạc đá quý Kim Long Đồng Tháp sản xuất (thời điểm ông L1 bán vàng là 32.000.000 đồng/lượng) để trị bệnh và trả nợ khi ông L1 bệnh nhưng chưa sang tên thì ông L1 chết. Sau đó, vì không sang tên được, bà B và ông T không có tiền trả lại cho ông N nên giao đất ông N và thỏa thuận là cố đất 20 năm. Nay bà B và ông T yêu cầu chuyển nhượng thửa đất cho ông N để trừ số tiền đã nhận điều trị bệnh cho ông L1 và các chi phí cải tạo đất (lên liếp trồng xoài) là 10.000.000 đồng, số tiền còn lại chia 03 phần cho: Ông Nguyễn Thành L1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Anh T mỗi người một phần. Phần của ông L1 chia 08 phần: Bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Anh T mỗi người được hưởng 1 phần.

Phần diện tích đất tại thửa 294, bà B và ông T không đồng ý chia thừa kế, giữ lại đất hương quả, thờ cúng ông L1.

Căn nhà của bà T được nhà nước cấp cho giáo viên về hưu, hộ nghèo vào khoảng năm 1994, nền lót gạch tàu, hiện trạng nhà chỉ có cột, kèo bằng bê tông đổ sẵn đem lắp ráp lại, mái tol sóng vuông, diện tích căn nhà ngang 5m dài 12, giá trị là 12.000.000 đồng, bà T để trống căn nhà, không có sử dụng. Khoảng năm 2000, ông L1 qua nhà bà T ở, ông L1 có trả tiền cho bà T 7.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ. Năm 2010, bà B và ông T qua ở với ông L1. Trong quá trình sử dụng ông L1, bà B và ông T có cải tạo lại căn nhà nhiều lần không nhớ bao nhiêu tiền. Nay bà B và ông T đồng ý trả cho bà T 1/2 giá trị căn nhà là: 12.000.000 đồng/2 = 6.000.000 đồng.

Số tiền bồi thường thu hồi đất 59.312.640 đồng hiện do Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất thành phố Cao Lãnh đang quản lý chia thành 03 phần cho: Ông Nguyễn Thành L1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Anh T mỗi người 19.770.880 đồng. Phần của ông L1 chia 08 phần: Bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Anh

D, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Anh T mỗi người được hưởng 1 phần với số tiền 2.471.360 đồng.

Tại phiên hòa giải, bà B và ông T trình bày: Bà B và ông T không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn. Bà B và ông T yêu cầu chia làm 03 phần cụ thể:

- Tiền bồi thường yêu cầu chia làm 03 phần, cụ thể: ông L1, bà B, ông T. Phần của ông L1 chia thừa kế cho Bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Anh T.

- Diện tích đất tại thửa 674, tờ bản đồ số 04 và thửa 294 tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh yêu cầu chia làm 03 phần, cụ thể: ông L1, bà B, ông T. Phần của ông L1 chia thừa kế cho Bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Anh T.

- Bà B và ông T đồng ý đối với yêu cầu trả giá trị căn nhà cho bà T theo giá Hội đồng định giá đã định, diện tích 32m² là 34.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng cầm cố đất giữa bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Anh T với ông Nguyễn Thành N diện tích 2.796,6m² tại thửa 674, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, bà B và ông T tự thỏa thuận với ông N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà B đang quản lý, sử dụng đất và quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 294, tờ bản đồ số 15, không có thể chấp cho cá nhân hay tổ chức nào.

Văn bản ý kiến của ông Nguyễn Thành N trình bày: Khi ông Nguyễn Thành L1 còn sống, ông L1 có hứa chuyển nhượng cho ông N phần đất diện tích 2.796,6m² thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, ông L1 đã tạm ứng trước số tiền 100.000.000 đồng để ông L1 điều trị bệnh, hai bên chưa làm thủ tục chuyển nhượng thì đến ngày 01/01/2017 ông L1 chết.

Ngày 08/11/2017, anh Nguyễn Anh T (là con của ông Nguyễn Thành L1) cô cho ông phần đất nói trên, giá cô là 40 chỉ vàng 24 kara 9999 (Công ty vàng bạc đá quý Kim Long Đồng Tháp); thời hạn cô là 20 năm. Thỏa thuận nếu trong thời gian cô đất, Nhà nước có quy hoạch phần đất trên thì ông T đồng ý trả tiền cô đất cho ông, đồng thời bồi thường cho ông N giá trị cây trồng, tiền công chăm sóc và hoa lợi trên đất.

Khi cầm cố, hiện trạng đất là đất ruộng đã lên liếp nhưng chưa trồng cây.

Sau khi cô đất, ông N trồng xoài và chuối như Tòa án đã xem xét – thẩm định ngày 22/6/2017. Khoảng đầu năm 2018, ông N trồng thêm bưởi.

Nay bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất ông N đang cầm cố, ông N yêu cầu được tiếp tục, sử dụng đến khi hết hạn hợp đồng, ông N không yêu cầu ông T trả vàng và ông N cũng không đồng ý trả đất, ông T và ông N tự thỏa thuận hợp đồng cầm cố đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N đang quản lý, sử dụng đất và quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 674, tờ bản đồ số 4, không có thể chấp cho cá nhân hay tổ chức nào.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tổng đạt văn bản tố tụng, đảm bảo tính khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước và tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành L1 với bà Nguyễn Thị B: Ông L1 và bà B sống chung như vợ chồng năm 1980 được các bên đương sự thống nhất. Ông L1 và bà B sống chung như vợ chồng khi mới quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành L1 với bà Nguyễn Thị Việt N vẫn còn nên hôn nhân giữa ông L1 và bà B là hôn nhân trái pháp luật. Sau khi ông L1 và bà N ly hôn ngày 19/6/1984 thì quan hệ hôn nhân của ông L1 và bà B có hiệu lực từ ngày 20/6/1984.

- Nguồn gốc đất tranh chấp: Phần đất diện tích 510,9m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã N, thành phố Cao Lãnh là của bà Nguyễn Thị C (Năm C) cho ông L1 sử dụng năm 1978 nhưng nguyên đơn không biết cho luôn khi nào, còn bị đơn thì nói cho luôn năm 1980. Phần đất diện tích 2.860m² (đo đạc thực tế 2.796,6m²) đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh là của ông Nguyễn Văn C1 (cha ông L1) cho ông L1 và bà B năm 1986, điều này phù hợp với lời khai của người làm chứng. Phần đất tranh chấp ban đầu cấp cho ông Nguyễn Thành L1. Sau đó, ông L1 đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Thành L1 là do sự tự nguyện của ông L1. Do vậy, xác định nguồn gốc đất là của cha và chị ông L1 cho ông L1 và bà B nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần của các nguyên đơn, chia thừa kế như sau:

Diện tích đất và tiền bồi thường chia làm hai phần cho ông L1 và bà B. Ông L1 chết không để lại di chúc nên phần của ông L1 được chia thừa kế theo

pháp luật là 07 phần gồm: Bà T, bà H, ông L, bà N, ông T1, bà B và ông T (ông D khước từ thừa kế).

Chấp nhận yêu cầu của bà T, yêu cầu bà B trả cho giá trị căn nhà diện tích 32m² theo giá Hội đồng định giá thực tế hiện nay.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Anh D.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Thành L1 và hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Anh T với ông Nguyễn Thành N lập ngày 08/11/2017.

Đối với căn nhà của ông Nguyễn Anh T, ông T xây dựng nhà trong quá trình các bên đang tranh chấp đất là vi phạm nhưng do các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế là giá trị đất và không yêu cầu xem xét tài sản trên đất nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự - chia thừa kế và đòi lại tài sản. Bị đơn bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Anh T có địa chỉ và phần đất tranh chấp tọa lạc tại xã N, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Xét thấy: Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh, ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Việt Anh T1, ông Nguyễn Thành N có đơn xin vắng mặt; bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Anh T, bà Trần Thị Mỹ Đ và ông Nguyễn Anh T đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thị Bảo T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh, ông Nguyễn Anh D, ông Nguyễn Việt Anh T1, ông Nguyễn Thành N, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Anh T, bà Trần Thị Mỹ Đ và ông Nguyễn Anh T đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thị Bảo T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành L1 với bà Nguyễn Thị B: Ông L1 và bà B sống chung như vợ chồng năm 1980 được các bên đương sự thống nhất nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng

minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L1 và bà B sống chung như vợ chồng khi mới quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành L1 với bà Nguyễn Thị Việt N vẫn còn duy trì nên mối quan hệ hôn nhân giữa ông L1 và bà B là hôn nhân trái pháp luật, không được pháp luật công nhận. Đến năm 1984, ông L1 và bà N ly hôn, mối quan hệ hôn nhân giữa ông L1 và bà N chấm dứt từ ngày 19/6/1984, ông L1 vẫn tiếp tục sống chung như vợ chồng với bà B. Tuy ông L1 và bà B không có đăng ký kết hôn nhưng được xem là hôn nhân thực tế được quy định tại tiểu mục c.1 mục 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên quan hệ hôn nhân của ông L1 và bà B là hôn nhân hợp pháp từ ngày 20/6/1984, được pháp luật công nhận.

[3] Xét nguồn gốc phần đất đang tranh chấp, cụ thể như sau:

- Phần đất diện tích 628,9m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã N, thành phố Cao Lãnh, trong đó có diện tích 510,9m² đất đang sử dụng và diện tích 118m² đất quy hoạch mở rộng đường Tân Việt H (đã bồi thường xong), nguyên đơn cho rằng chị họ của ông L1 là bà Nguyễn Thị C cho ông L1 sử dụng năm 1978 nhưng không biết cho luôn năm nào, không có chứng cứ chứng minh; bị đơn thì cho rằng đất này là của người chị bà con chú bác ruột với ông L1 tên Nguyễn Thị C (Năm C) cho ông L1 và bà B từ năm 1980 nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh. Xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận phần đất tại thửa 294 là của bà Năm C (chị họ ông L1) cho ông L1 nhưng không chứng minh được cho năm nào, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng bà Năm C đã chết không có chồng con nhưng tại phiên tòa các nguyên đơn cho rằng bà Năm C còn có người con tên N1 nhưng không biết địa chỉ, Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để các nguyên đơn tìm con bà Năm C nhưng không có kết quả và nguyên đơn thống nhất không cung cấp được chứng cứ bà Năm C cho đất ông L1 năm nào. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bị đơn về nguồn gốc thửa đất 294 tuy không có chứng cứ chứng minh nhưng phù hợp với lời khai của người làm chứng nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị C (Năm C) (chị họ của ông L1) cho ông L1 sử dụng để mở tiệm hót tóc từ năm 1978, sau đó cho ông L1 và bà B cất nhà và sử dụng ổn định đến nay đã hơn 30 năm.

- Phần đất diện tích 2.860m² (đo đạc thực tế 2.796,6m²) đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn cho rằng cha của ông L1 là ông Nguyễn Văn C1 cho ông L1 năm 1978 nhưng không có chứng cứ chứng minh, bị đơn thì cho rằng đất này là của ông C1 cho ông L1 và bà B năm 1986 nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bị đơn tuy không có chứng cứ chứng minh nhưng phù hợp với lời khai của người làm chứng là

Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thành H1, Nguyễn Thành L1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguồn gốc đất là của ông C1 là cha ruột của ông L1 cho ông L1 và bà B vào năm 1986 để trồng lúa, ông L1 và bà B sử dụng ổn định từ năm 1986 đến nay đã hơn 30 năm.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha và chị họ của ông L1 cho ông L1 và bà B, ông L1 và bà B sử dụng liên tục, ổn định trên 30 năm.

[4] Xét yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1 yêu cầu chia thừa kế đối với đất tại thửa 674, thửa 294 và tiền bồi thường yêu cầu chia đều 07 phần gồm: Bà T, bà H, ông L, bà N, ông T1, bà B và ông T. Phần của ông Anh D khurót từ thừa kế sẽ nhập vào khối di sản chung để chia theo quy định pháp luật. Nguyên đơn cho rằng toàn bộ tài sản trên là của cá nhân ông L1 được người thân cho, bà B chỉ là người ở nhờ, ông T còn nhỏ nên không có công sức đóng góp đối với đất tranh chấp. Bị đơn cho rằng nguồn gốc đất của cha và chị của ông L1 cho gia đình ông L1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ ông L1 nên xác định đất của hộ gia đình và đồng ý chia làm 03 phần cho ông L1, bà B và anh T; phần của ông L1 được chia thừa kế thành 07 phần cho 07 phần cho bà T, ông L, ông T, bà H, bà N, ông T, bà B nhưng bà B và ông T không nộp đơn khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy, diện tích đất tại thửa 674, thửa 294 và tiền bồi thường là tài sản chung của ông L1 và bà B được cha và chị họ của của ông L1 cho ông L1 và bà B, ông L1 và bà B sử dụng liên tục, ổn định trên 30 năm nên đây là tài sản chung của ông L1 và bà B, anh T chỉ là con không có công sức tạo ra phần đất này. Năm 2017, ông L1 chết không để lại di chúc, các con của ông L1 và bà N yêu cầu chia thừa kế. Việc yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 649 Bộ luật dân sự nhưng cách chia của các nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định tại Điều 649 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chia theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

- Đất lúa thửa 674 diện tích là $2.796,6m^2 : 2 = 1.398,3m^2 : 7 = 199,76m^2$. Diện tích bà B được chia là $1.598,06m^2$. Các người con mỗi người được chia giá trị diện tích là $199,76m^2 \times 60.500đ/m^2 = 12.085.000đ$.

- Đất thửa 294 gồm:

+ Đất ở: Diện tích $200m^2 : 2 = 100m^2 : 7 = 14,29m^2$. Diện tích bà B được chia là $114,29m^2$. Các người con mỗi người được chia giá trị diện tích là $14,29m^2 \times 960.000đ/m^2 = 13.718.000$ đồng.

+ Đất trồng cây lâu năm: Diện tích $310,9m^2 : 2 = 155,45m^2 : 7 = 22,2m^2$. Diện tích bà B được chia là $177,6m^2$. Các người con mỗi người được

chia giá trị diện tích là $22,2\text{m}^2 \times 93.500\text{đ}/\text{m}^2 = 2.075.700$ đồng.

- Tiền bồi thường diện tích 118m^2 , số tiền $59.312.640$ đồng : $2 = 29.656.320\text{đ}$: $7 = 4.236.617$ đồng. Như vậy, bà B được chia số tiền $33.892.937$ đồng, các người con mỗi người được chia số tiền là $4.236.617$ đồng. Tiền bồi thường hiện nay Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cao Lãnh đang quản lý.

Tổng cộng giá trị đất và tiền bồi thường, mỗi người con được nhận thừa kế là $32.115.000$ đồng, bà B được nhận thừa kế diện tích đất 1.890m^2 đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm, đất trồng lúa tại thửa 674, thửa 294 và số tiền bồi thường là $33.892.937$ đồng.

Như vậy, bà B được sử dụng diện tích 2.860m^2 (đo đạc thực tế $2.796,6\text{m}^2$) đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất hiện nay do ông N đang quản lý, sử dụng; diện tích $510,9\text{m}^2$ đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã N, thành phố Cao Lãnh, hiện nay do hộ bà B đang quản lý, sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 294; ông N đang quản lý, sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 674.

Bà B có trách nhiệm trả giá trị di sản thừa kế của ông L1 để lại cho các nguyên đơn và ông T mỗi người là $32.115.000$ đồng.

Bà B được nhận toàn bộ số tiền bồi thường là $59.312.640$ đồng theo quyết định số 640/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 10/4/2017 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà B trả giá trị căn nhà diện tích 32m^2 theo giá Hội đồng định giá đối với giá trị nhà thực tế Tòa án thẩm định. Căn cứ Quyết định số 64/2002/QĐ-LĐLĐ ngày 28/11/2002 của Liên đoàn lao động tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà T là công nhân, viên chức, lao động nghèo căn nhà diện tích 32m^2 (ngang 04m dài 08m) trị giá $12.000.000$ đồng. Nhưng do bà T không có đất nên bà T thỏa thuận với ông L1 cho bà diện tích 32m^2 (ngang 04m dài 08m) để cất nhà, ông L1 có làm tờ nhượng đất cho con ngày 26/11/2002. Sau khi nhà được xây dựng, bà T sử dụng một thời gian ngắn thì giao nhà cho ông L1 và bà B sử dụng vào tháng 01/2004. Tại phiên hòa giải, bà T yêu cầu nhận giá trị căn nhà theo giá Hội đồng định giá đối với giá trị nhà thực tế hiện nay, bà B đồng ý trả giá trị nhà theo yêu cầu của bà T nhưng bà B không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến về căn nhà bà T yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T cho rằng ông L1 đã đồng ý cho bà phần đất để Nhà nước cất nhà tình thương cho bà, ông L1 có làm tờ nhượng đất cho con ngày 26/11/2002, cả hai bên đương sự đều thống nhất căn nhà ngang 04m dài 08m là của Liên đoàn lao động tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà T, nay bà T yêu cầu bà B trả giá trị cho bà theo giá Hội đồng định giá hiện nay, bà B cũng đồng ý tại phiên hòa giải nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, bà B có trách nhiệm

trả cho bà T giá trị căn nhà $32m^2 \times 1.088.000đ/m^2 = 34.816.000$ đồng, nhà hiện nay bà B đang quản lý, sử dụng.

[6] Đối với căn nhà của ông T và bà Đ, diện tích $68,6m^2$ (gồm nhà chính và sân nước) được xây dựng trên đất tranh chấp thuộc một phần thửa 294, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã N, thành phố Cao Lãnh: Trong quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp chia thừa kế, ông T xây dựng nhà là vi phạm, lỗi của ông T không tuân thủ quy định pháp luật nhưng do các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế là giá trị đất và không yêu cầu Tòa án xem xét tài sản trên đất, bà B và ông T cũng không có ý kiến đối với căn nhà của ông T và bà Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu bà B và ông T có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1 và hủy hợp đồng cầm cố giữa ông Nguyễn Anh T với ông Nguyễn Thành N lập ngày 08/01/2017 các nguyên đơn rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1 và hủy hợp đồng cầm cố giữa ông Nguyễn Anh T với ông Nguyễn Thành N lập ngày 08/01/2017 là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên đình chỉ xét xử sơ thẩm phần này.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh D yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông L1 chết để lại nhưng tại phiên tòa ông D rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, khước từ thừa kế. Hội đồng xét xử xét thấy ông D rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên đình chỉ xét xử sơ thẩm phần này.

[9] Xét hợp đồng cố đất giữa ông Nguyễn Anh T với ông Nguyễn Thành N lập ngày 08/01/2017, bà B và ông T cho rằng cố đất để lấy tiền điều trị bệnh cho ông L1 nhưng các nguyên đơn không đồng ý và tại phiên tòa các nguyên đơn có xuất trình các hóa đơn tính tiền trong quá trình điều trị bệnh cho ông L1. Tại phiên tòa, các nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện phần này, ông T và ông N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với chi phí cải tạo đất, chi phí sửa nhà và gìn giữ di sản, các nguyên đơn cho rằng việc cải tạo đất, chi phí sửa nhà và gìn giữ di sản là do ông L1 làm, sau khi ông L1 chết thì phát sinh tranh chấp chia thừa kế ngay nên bà B và ông T không có công sức đóng góp. Hơn nữa, Tòa án đã thông báo cho bà B và ông T nộp đơn khởi kiện nhưng bà B và ông T không khởi kiện và cũng không có ý kiến trình bày về chi phí cải tạo đất, chi phí sửa nhà và gìn giữ di sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với cây trồng và vật kiến trúc trên đất, các đương sự không có

tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Bà B được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

[13] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là tổng cộng là 7.575.000đ, nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Bà B có trách nhiệm chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá là 4.328.571 đồng; bà T, ông L, ông T1, bà H, bà N, ông T mỗi người có trách nhiệm chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá là 541.071 đồng. Bà B có trách nhiệm trả lại cho các nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định và định giá là 4.328.571 đồng; ông T có trách nhiệm trả lại cho các nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định và định giá là 541.071 đồng.

[14] Án phí: Bà B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các nguyên đơn và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí – lệ phí Tòa án và điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về nội dung vụ án là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ như đã phân tích trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm d khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự; khoản 29 Điều 3, Điều 99, điểm c khoản 1 Điều 100, Điều 203 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1 về việc yêu cầu chia giá trị di sản thừa kế của ông Nguyễn Thành L1 để lại.

Bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1 và Nguyễn Anh T mỗi người được chia giá trị di sản thừa kế của ông Nguyễn Thành L1 để lại là 32.115.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả giá trị di sản thừa kế của ông Nguyễn Thành L1 để lại cho bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Tuấn L, bà Nguyễn Thị Mộng H, bà Nguyễn Thị Mộng N, ông Nguyễn Việt Anh T1 và Nguyễn Anh T mỗi người là 32.115.000 đồng.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả giá trị căn nhà diện tích 32m² là 34.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mộng T giá trị căn nhà diện tích 32m² là 34.816.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị B được quản lý, sử dụng diện tích 510,9m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã N, thành phố Cao Lãnh và diện tích 2.796,6m² đất trồng lúa, thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/6/2017, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; bản đồ đo đạc, sơ đồ mốc của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nay là chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị B được nhận toàn bộ số tiền bồi thường là 59.312.640 đồng theo quyết định số 640/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 10/4/2017 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[4] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu

hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Thành L1 và hủy hợp đồng cầm cố giữa ông Nguyễn Anh T với ông Nguyễn Thành N lập ngày 08/01/2017.

[5] Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh D về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Thành L1.

[6] Bà Nguyễn Thị B được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

[7] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là tổng cộng là 7.575.000đ, nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Bà B có trách nhiệm chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá là 4.328.571 đồng; bà T, ông L, ông T1, bà H, bà N, ông T mỗi người có trách nhiệm chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá là 541.071 đồng. Bà B có trách nhiệm trả lại cho các nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định và định giá là 4.328.571 đồng; ông T có trách nhiệm trả lại cho các nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định và định giá là 541.071 đồng.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế là 1.606.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.685.000 đồng, theo các biên lai thu số 08606 ngày 18/5/2017; 300.000 đồng theo các biên lai thu số 08607 ngày 18/5/2017 và 60.000 đồng trong số tiền 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0002385 ngày 12/9/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Đồng Tháp. Như vậy, bà T còn được nhận lại số tiền 439.000 đồng.

Ông Nguyễn Tuấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế là 1.606.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.685.000 đồng, theo các biên lai thu số 08609 ngày 18/5/2017 và 60.000 đồng trong số tiền 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0002385 ngày 12/9/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Đồng Tháp. Như vậy, ông L còn được nhận lại số tiền 139.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mộng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế là 1.606.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.685.000 đồng, theo các biên lai thu số 08610 ngày 18/5/2017 và 60.000 đồng trong số tiền 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0002385 ngày 12/9/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Đồng Tháp. Như vậy, bà H còn được nhận lại số tiền 139.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mộng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế là 1.606.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.685.000 đồng,

theo các biên lai thu số 08611 ngày 18/5/2017 và 60.000 đồng trong số tiền 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0002385 ngày 12/9/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Đồng Tháp. Như vậy, bà N còn được nhận lại số tiền 139.000 đồng.

Ông Nguyễn Việt Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế là 1.606.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.685.000 đồng, theo các biên lai thu số 08612 ngày 18/5/2017 và 60.000 đồng trong số tiền 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0002385 ngày 12/9/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Đồng Tháp. Như vậy, ông T1 còn được nhận lại số tiền 139.000 đồng.

Ông Nguyễn Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế là 1.606.000 đồng.

Ông Nguyễn Anh D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.685.000 đồng, theo các biên lai thu số 08608 ngày 18/5/2017 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chu cục THADS TPCL;
- Tòa án ND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh